



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 10/CBTT- 2021

Hải Phòng, ngày 14 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Thị Hường** – Kế toán trưởng Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2020
7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN 



Nơi nhận:

- Như k. gửi,
- Lưu.

Trần Thị Hường

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2
..... @@@@@ -----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

HẢI PHÒNG, THÁNG 4/ 2021

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	3
1. Thông tin chung	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Định hướng phát triển	8
5. Các rủi ro	9
II. Tình hình hoạt động trong năm	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	14
6.1 Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu	14
6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	15
6.3 Chính sách liên quan đến người lao động	15
6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	15
6.5 Chính sách liên quan đến người lao động	15
6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	16
6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường theo hướng dẫn của UBCKNN	16
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2. Tình hình tài chính	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán	20
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	20
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	21
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	21
V. Quản trị công ty	21
1. Hội đồng quản trị	21

2. Ban Kiểm soát	25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	26
VI. Báo cáo tài chính	29
1. Ý kiến kiểm toán	29
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	30

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Năm báo cáo: **Năm 2020**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Lilama 69-2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200155547; Đăng ký lần đầu: ngày 16/12/2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 7: ngày 29/12/2017.
- Vốn điều lệ: 82.982.430.000 đồng .
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.982.430.000 đồng
- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0225 3525195
- Số fax: 0225 3824562
- Website: www.lilama69-2.com.vn
- Mã cổ phiếu: L62

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA). Được thành lập ngày 01/12/1960, trụ sở Công ty đặt tại số 26 Tân Viên - phường Thượng Lý - quận Hồng Bàng – thành phố Hải Phòng.

- Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số: 1691 ngày 02/11/2004 của Bộ Xây dựng. Mã số doanh nghiệp 0203001155 Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/12/2004; Vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng (Trong đó vốn Nhà nước là: 4.515.200.000 đồng chiếm 50,17%, vốn của các cổ đông là : 4.484.800.000 đồng chiếm 49,83%). Sau đó Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng năm 2007 (vốn Nhà nước chiếm 50,17%), đã được Sở kế hoạch

đầu tư thành phố Hải phòng cấp giấy nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ hai ngày 11/6/2007.

- Ngày 21/04/2008 Công ty thực hiện niêm yết, giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu L62. (Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận tại Quyết định số 112/QĐ - TTGDHN ngày 26/3/2008).

- Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ Công ty trong các năm tiếp theo, cụ thể như sau :

+ Năm 2009: Nghị quyết số 37/NQĐHCD ngày 18/9/2009 của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, chủ trương tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng. Thực tế đến ngày 31/12/2009 thực hiện tăng vốn điều lệ: 44.808.610.000 đồng (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 50,38%).

+ Năm 2010: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 13/NQ-ĐHCD/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; theo giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của UBCK Nhà nước ngày 28/12/2010. Năm 2011 Công ty thực hiện chủ trương phát hành tăng vốn điều lệ từ: 44.808.610.000 đồng lên 60.491.620.000 đồng theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1/0,35 (mỗi cổ phiếu hiện hữu được mua thêm 0.35 cổ phiếu mới với giá 12.000 đồng). Thực tế đến ngày 22/04/2011 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên thành: 57.418.170.000 đồng (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 53,08% tương ứng với 3.047.807 cổ phiếu).

+ Năm 2017: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 số 88/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 29/04/2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; giấy chứng nhận số 33/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/07/2017 và Quyết định số 903/QĐ-UBCK về chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Lilama 69-2. Công ty thực hiện chủ trương phát hành tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán và phát hành 3.786.167 cổ phiếu tương đương: 37.861.670.000 đồng. Kết quả đã thực hiện, tổng số cổ phiếu đã phân phối: 2.556.426 cổ phiếu tương đương 25.564.260.000 đồng, chiếm 67,52% tổng số cổ phiếu được phép phát hành, trong đó:

. Phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có 22,4% : 1.286.167 cổ phiếu tương đương: 12.867.670.000 đồng.

. Phân phối cho cổ đông hiện hữu với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu theo tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 531.050 cổ phiếu tương đương: 5.310.500.000 đồng.

. Phân phối tiếp cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết cho các đối tượng khác theo Nghị quyết HĐQT số 226/NQ-HĐQT 2017 ngày 31/10/2017 với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu : 739.300 cổ phiếu tương đương 7.393.000.000 đồng, chiếm 19,53% tổng số cổ phiếu được phép phát hành và chiếm 28,92% chứng khoán đăng ký. Số lượng cổ phiếu sẽ được hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 06/11/2017.

. Kết thúc đợt tăng vốn điều lệ mới năm 2017 của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 là: 82.982.430.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi lần thứ 7 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/12/2017 (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 44,96%).

+ Năm 2018 : Tổng Công ty lắp máy Việt Nam đã thực hiện đấu giá 3.730.515 cổ phiếu L62 của Tổng công ty. Ngày 18 tháng 02 năm 2019 Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCP có báo cáo V/v: Chuyển tiền và danh sách sở hữu cổ phần; Kết quả 3.730.515 cổ phần được chuyển nhượng thành công. Theo đó Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCP sở hữu từ 44,96% vốn điều lệ xuống còn 0% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lilama 69-2.

- Các sự kiện khác: Không.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:

- Ngành nghề kinh doanh:

. Gia công và lắp dựng các kết cấu thép, thiết bị cho các công trình: nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, nhà máy hóa chất, nhà máy lọc dầu, khí, nhà máy thép, hệ thống đường ống, các dự án vui chơi, giải trí, cầu;

. Xây dựng các công trình công nghiệp; thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống giàn không gian; sửa chữa và bảo dưỡng các nhà máy công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh:

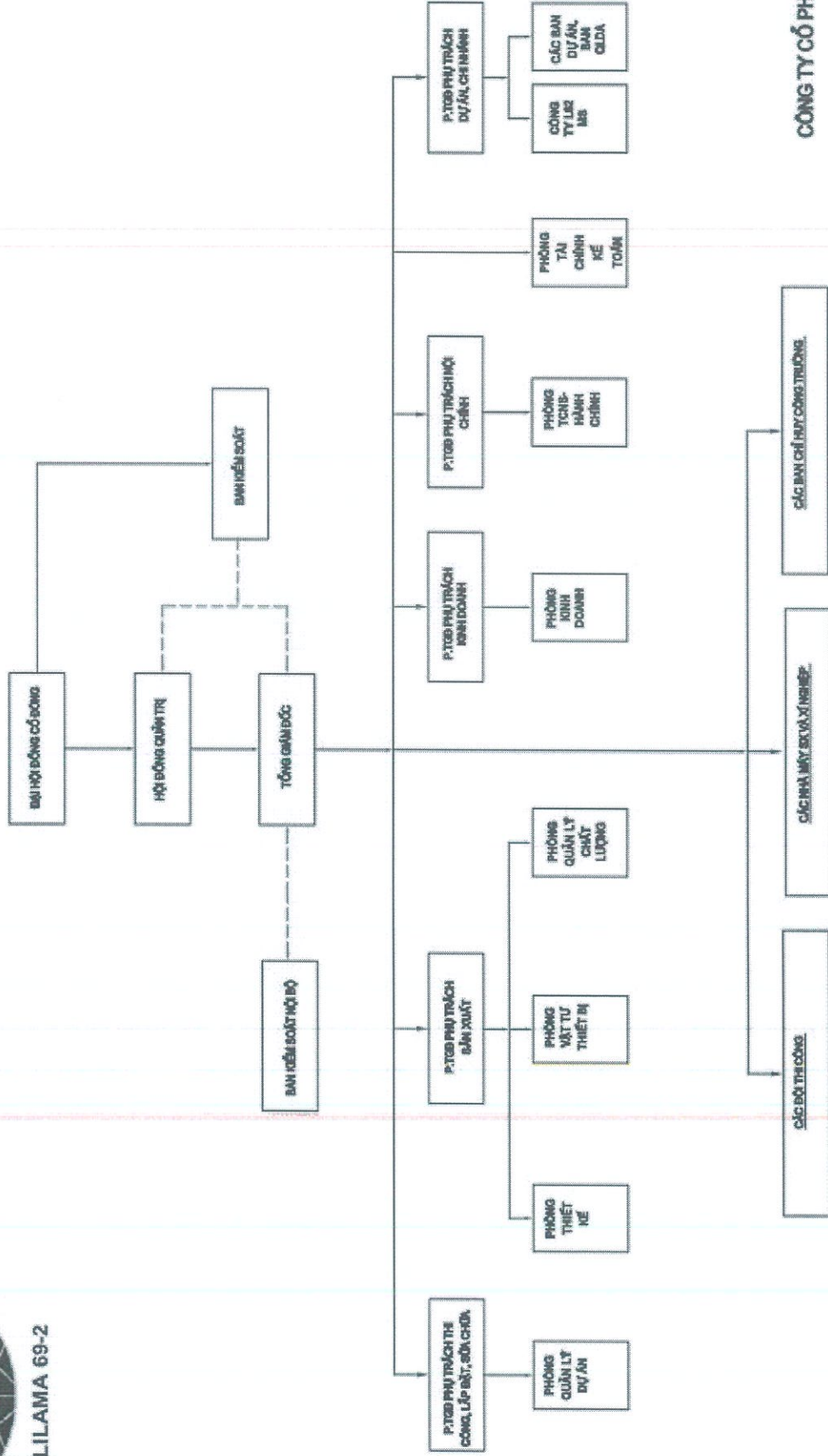
Công ty Cổ phần Lilama 69-2 có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tỉnh, thành trên cả nước và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí do Công ty chế tạo ra thị trường ngoài nước. Cụ thể Công ty đã và đang tiến hành thi công các công trình tại các tỉnh: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Lào Cai, Lai Châu, Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hòa, Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang, Hậu Giang,...Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí vào các thị trường các nước: Nhật Bản, Philippines, Colombia,..

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2



LILAMA 69-2



Chi chi:
 - Chi cục
 - Giám sát
 - Phòng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Handwritten signature

- Mô hình quản trị:

+ *Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)*: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư, cơ cấu vốn, các mục tiêu sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty.

+ *Hội đồng Quản trị (HĐQT)*: Hội đồng Quản trị Công ty hiện tại có 05 người, 01 Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc và 04 thành viên kiêm nhiệm.

. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định.

. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị ban hành các Nghị quyết/Quyết định, các Quy chế/quy định, là công cụ pháp lý để Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm bảo đảm cho Công ty được định hướng và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.

. Hội đồng Quản trị làm theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước các cổ đông, trước pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đối với mọi vấn đề, đặc biệt là kết quả sản xuất kinh doanh.

+ *Ban Kiểm soát (BKS)*: Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ *Tổng giám đốc Công ty*: Tổng giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

+ *Phó Tổng giám đốc*: Các Phó tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy

quyền của Tổng giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

+ *Các phòng ban chức năng*: Do Tổng giám đốc Công ty ký quyết định thành lập trên cơ sở tờ trình được HĐQT phê duyệt, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện mục tiêu và chiến lược của Công ty.

- Các Công ty con, Công ty liên kết:

* *Công ty con*: Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa LILAMA 69-2

+ Địa chỉ: Số 236-238 Đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

+ Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

+ Vốn góp của Lilama 69-2: 1.020.000.000 VNĐ, tương đương 102.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2.

+ Ngành nghề kinh doanh của công ty con:

. Kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;

. Chế tạo thiết bị, sản xuất kết cấu thép, chế tạo bình, bể chịu áp lực bồn bể chứa xăng dầu, lắp đặt thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng;

. Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

* Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Xây dựng Công ty theo đề án được thông qua Đại hội đồng cổ đông của Công ty là: Tăng trưởng và phát triển ổn định, khẳng định được vị trí trong lĩnh vực gia công, lắp đặt thiết bị.

- Chiến lược phát triển trung, dài hạn: Tiếp tục giữ vững vị thế là doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam, chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công, xây dựng kế hoạch cụ thể và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn, trung hạn của Công ty: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là hai yếu tố không thể tách rời đối với quá trình phát triển của một nền kinh tế - xã hội tiên tiến, hiện đại. Do đó trong quá trình kinh doanh lâu dài, đòi hỏi doanh nghiệp phải có

những cam kết và nỗ lực duy trì thực hiện liên tục. Để đạt được mục tiêu đó, Công ty đã thiết lập chính sách môi trường nhằm định hướng cho việc luôn đề cao quan niệm về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục phát huy truyền thống cao quý như quan tâm giúp đỡ tới các gia đình chính sách, tổ chức thăm hỏi các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, khuyến khích động viên tích cực các cháu, con em trong Công ty chăm ngoan học giỏi. Tham gia tích cực vào các hoạt động xóa đói giảm nghèo của Địa phương.

5. Các rủi ro :

- Rủi ro từ thị trường: Hiện nay nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu với kinh tế thế giới, do vậy mọi sự biến động của kinh tế thế giới có những tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam. Khi nền kinh tế bị ảnh hưởng của khủng hoảng thì các dự án đầu tư lớn sẽ bị cắt giảm, dẫn đến thị trường công việc bị ảnh hưởng.

- Rủi ro từ pháp luật: Trong lĩnh vực gia công chế tạo hiện nay vật tư sắt thép phải nhập ngoại nhiều, những thay đổi của chính phủ về chính sách thuế hoặc việc bảo hộ của các nước xuất khẩu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các dự án Công ty đang triển khai.

- Rủi ro từ đặc thù ngành nghề: Thị trường công việc hạn chế dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng cao giữa các doanh nghiệp xây lắp, gia công chế tạo trong nước. Ngoài ra do hội nhập và khuyến khích đầu tư nước ngoài của Chính phủ, các doanh nghiệp Việt Nam còn phải cạnh tranh với các nhà thầu và Công ty quốc tế có tiềm lực mạnh về nguồn vốn, công nghệ. Đây là thách thức lớn cho việc phát triển của Công ty trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

- Rủi ro thu hồi vốn: Thời gian thi công các công trình thường kéo dài, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ quyết toán thi công công trình mất nhiều thời gian, tình trạng nợ đọng của một số công trình,.. làm ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Công ty.

- Rủi ro dịch bệnh: Cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực gia công chế tạo, cơ khí. Đặc biệt từ cuối năm 2019 đến nay do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, nên hoạt động sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế của Đất nước, nhất là trong thời gian cách ly xã hội, lệnh cấm đi lại giữa các vùng miền, quốc gia trên toàn thế giới,... làm cho các tập đoàn, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất không có đơn hàng, ngừng hoạt động, hoặc chỉ sản xuất cầm chừng. Dự báo diễn biến của đợt dịch này còn phức tạp trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2020 (VNĐ)			TH năm 2020/TH năm 2019
	Kế hoạch	Thực hiện	TH năm 2020/KH năm 2020	
1. Tổng doanh thu thuần	380.000.000.000	335.660.096.096	88,33%	69,43%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	800.000.000	854.155.588	106,8%	42,1%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Cá nhân	Chức vụ	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Vũ Kế Chương	Tổng giám đốc	Gò Công 2, Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng	374.506	4,51%	
2	Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc	Số 7B, 106 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng	654.983	7,89%	
3	Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	An Đông, An Dương, Hải Phòng	15.000	0,18%	
4	Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng giám đốc	126 Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng	107.081	1,29%	
5	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng giám đốc	Số 6/40 Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	-	-	
6	Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng giám đốc	Số 1/221 Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	14.297	0,17%	

7	Bà Trần Thị Hường	Kế toán trưởng	Tổ 6, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng	-	-	
---	----------------------	----------------	--------------------------------------	---	---	--

- Những thay đổi trong HĐQT, BĐH, BKS: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động của Công ty tham gia bảo hiểm đến cuối kỳ là: 298 người, tùy theo tình hình thực tế công việc, số lao động hợp đồng có thể huy động là 1.000 người.

+ Về chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể, ký hợp đồng lao động đối với 100% người lao động. Tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, mua bảo hiểm 24/24 cho 100% người lao động; Giải quyết kịp thời các chế độ trợ cấp, ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất v.v... Ngoài ra, Công ty tổ chức tốt bếp ăn tập thể tại các đơn vị, đảm bảo khẩu phần và định lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm luôn được chú trọng, lán trại, nơi ở của CB-CNV tại các công trình cũng đã được quan tâm chỉ đạo, phải đảm bảo về diện tích, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông... Hàng năm, Công ty tổ chức đối thoại định kỳ, Hội nghị người lao động để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người lao động từ đó xem xét giải quyết thỏa đáng các lợi ích chính đáng cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a/ Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2020 Công ty Cổ phần Lilama 69-2 thực hiện 02 Dự án:

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty năm 2019: Tổng mức đầu tư được phê duyệt 10,84 tỷ đồng. Giá trị chuyển sang năm 2020 là 5,655 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục, thiết bị như: Thi công phần rãnh thoát nước nhà xưởng công nghệ cao; đổ bê tông đường, bãi trước nhà xưởng công nghệ cao (đợt 1); nối dài nhà để xe tại nhà máy; chế tạo, lắp dựng 02 nhà mái che di động KT14x15m; chế tạo, lắp dựng 02 bộ cầu trục dầm đơn trong nhà xưởng công nghệ cao; xe ô tô con; cổng trục 3 tấn, khẩu độ 12,5m. Giá trị thực hiện đến ngày 31/12/2020 là 4,028 tỷ đồng. Các hạng mục còn lại được chuyển tiếp sang năm 2021 với giá trị khoảng 1,626 tỷ đồng, bao gồm đổ bê tông đường, bãi trước nhà xưởng công nghệ cao (đợt 2); chế tạo, lắp dựng hoàn thiện 02 bộ cổng trục 3 tấn, khẩu độ 12,5m,...

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty năm 2020: Tổng mức đầu tư được phê duyệt 5 tỷ đồng, bao gồm đầu tư sửa chữa, cải tạo nhà phun hạt mài; thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy; mua sắm một số thiết bị phục vụ thi công tại Nhà máy cũng như phục vụ thi công các công trình trong nước như máy nén khí, máy khoan cần; container văn phòng,... Giá trị thực hiện đến ngày 31/12/2020 là 0,483 tỷ đồng. Các hạng mục, thiết bị còn lại được chuyển tiếp sang năm 2021 với giá trị khoảng 4,517 tỷ đồng.

b/ Các Công ty con, Công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2

Năm 2019, Công ty Cổ phần Lilama 69-2 thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2 với số tiền góp là 1.020.000.000 đồng, tương đương 102.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2.

• Ngành nghề kinh doanh của Công ty con:

- Kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Chế tạo thiết bị, sản xuất kết cấu thép, chế tạo bình, bể chịu áp lực bồn bể chứa xăng dầu, lắp đặt thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

• Tình hình tài chính của công ty con:

Chỉ tiêu	Năm 2020 (VNĐ)
1. Tổng giá trị tài sản	20.807.556.143
2. Doanh thu thuần	22.443.568.881
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	47.076.335
4. Lợi nhuận khác	-2.208.359
5. Lợi nhuận trước thuế	44.867.976
6. Lợi nhuận sau thuế	38.277.289

- Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	So sánh tăng, giảm (%)
1. Tổng giá trị tài sản	603.194.848.177	613.801.704.812	+1,76%

2. Doanh thu thuần	483.459.691.048	335.660.096.096	-30,6%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.606.777.395	558.441.586	-84,52%
4. Lợi nhuận khác	-1.577.692.831	295.714.002	+118,74%
5. Lợi nhuận trước thuế	2.029.084.564	854.155.588	-57,9%
6. Lợi nhuận sau thuế	1.308.191.262	650.649.114	-50,26%
7. Tỷ lệ chia cổ tức	2%	0%	

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh tăng, giảm (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,03	1,03	0%
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,51	0,58	
2. Lợi nhuận khác			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,82	0,82	0%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,441	4,544	2,32%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,845	1,235	-33,06%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,8	0,55	-31,25%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,003	0,002	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,012	0,006	-50%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,002	0,001	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,007	0,002	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần của Công ty: Mã chứng khoán L62

Tổng số cổ phần:	8.298.243 CP
Cổ phần đang lưu hành:	8.298.243 CP
Cổ phiếu quỹ :	0 CP
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	8.298.243 CP
Số lượng hạn chế chuyển nhượng:	0 CP

b/ Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020: Công ty tự cập nhật theo số liệu được thông báo về trụ sở chính:

TT	Danh mục	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu trên 5% tổng số CP	4.848.920	58,43%	6	1	5
	Công ty CP Đầu tư công nghiệp nặng Việt Hải	1.104.656	13,31%	1	1	
	Ông Nguyễn Văn Kỳ	1.190.370	14,34%	1		1
	Trần Xuân Trường	654.983	7,89%	1		1
	Hoàng Sĩ Khang	698.529	8,42%	1		1
	Vũ Khắc Nhiệm	698.529	8,42%	1		1
	Hoàng Trung Kiên	519.835	6,26%	1		1
2	Cổ đông là tổ chức	1.344.270	16,2%	14	14	
3	Cổ đông khác					
	Trong nước	8.298.060	99,99%	345		345
	Ngoài nước	183	0,002%	1		1

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e/ Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu chính (các loại thép tấm, thép hình,...) được sử dụng để gia

công, chế tạo kết cấu thép của Công ty trong năm 2020 là 7.210 tấn;

b/ Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu chính (các loại thép tấm, thép hình,...) được tái chế sử dụng khoảng 3%.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năm 2020 năng lượng tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất bình quân là 61.586 kWh/1 tháng. Năng lượng tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng, nhà ăn, ...) bình quân là 4.939 kWh/1 tháng.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Là Công ty chuyên chế tạo, sản xuất, gia công và lắp đặt thiết bị, máy móc nên việc sử dụng năng lượng điện là tương đối nhiều, vì vậy Công ty luôn có các chính sách và hoạt động nhằm quản lý, sử dụng điện một cách hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

c/ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3 Tiêu thụ nước:

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước tại nhà máy của Công ty do Công ty TNHH cấp thoát nước 23-8 có địa chỉ tại Ngã tư Quang Thanh, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp.

- Lượng nước sử dụng: Năm 2020 lượng nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 7.848 m³.

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: 01 lần.

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: 37,5 triệu đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a/ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng CB-CNV đóng bảo hiểm xã hội của Công ty đến 31/12/2020 là 298 người, mức lương bình quân là 9.000.000 đồng/người/tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATLĐ, VSLĐ có ý nghĩa hết sức quan trọng, làm tốt công tác ATLĐ, VSLĐ là góp phần tích cực vào việc bảo vệ lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động, do đó Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm trú trọng và chỉ đạo phải làm tốt công tác ATLĐ, VSLĐ. Cán bộ làm công tác ATLĐ luôn được tập huấn hàng năm, có kiến thức chuyên môn sâu và có bản lĩnh. Số người lao động được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ đạt 95%, trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng chuyên môn nghề nghiệp, đúng quy định, khám sức khỏe định kỳ hàng năm đạt trên 90% số người lao động (Số còn lại khám sức khỏe theo yêu cầu công việc như: trèo cao,..).

- Công ty xây dựng thang lương, bảng lương, định biên, định mức lao động, theo đúng nguyên tắc và quy định của Pháp luật, việc trả lương, thưởng được thực hiện đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của Công ty.

c/ Hoạt động đào tạo người lao động:

Hàng năm Công ty cử cán bộ nhân viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bằng các lớp ngắn ngày, đào tạo bổ túc nâng cao tay nghề cho thợ hàn đạt trình độ 5G, 6G, hàn TIG, MIG, nâng lương cho CB-CNV.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty triển khai, tổ chức vận động 100% CB-CNV tham ủng hộ các phong trào của địa phương như: quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống bão lụt,.. tham gia đóng góp xây dựng quỹ từ thiện Công ty, trợ cấp cho cho bản thân CB-CNV, hiếu, hỷ, con em CB-CNV ốm đau, gia đình gặp thiên tai hỏa hoạn... các hoạt động từ thiện xã hội, ủng hộ gia đình chính sách của địa phương nơi Công ty có công trình.

- Tại địa phương nơi Công ty đóng trụ sở Công ty đã kết hợp với Chính quyền hàng năm đều thực hiện việc lo Tết cho người nghèo và được Chính quyền ghi nhận tấm lòng vàng.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng quản về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Năm 2020 (VNĐ)		
	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1. Doanh thu thuần	380.000.000.000	335.660.096.096	88,33%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	800.000.000	854.155.588	106,8%
3. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	0%	0%	

- Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kết quả hoạt động SXKD năm trước:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	So sánh tăng, giảm (%)
1. Tổng giá trị tài sản	603.194.848.177	613.801.704.812	+1,76%
2. Doanh thu thuần	483.459.691.048	335.660.096.096	-30,6%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.606.777.395	558.441.586	-84,52%
4. Lợi nhuận khác	-1.577.692.831	295.714.002	+118,74%
5. Lợi nhuận trước thuế	2.029.084.564	854.155.588	-57,9%
6. Lợi nhuận sau thuế	1.308.191.262	650.649.114	-50,26%
7. Tỷ lệ chia cổ tức	2%	0%	

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020: Doanh thu thuần chỉ đạt 88,33% và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 106,8 %. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên nguồn công việc trong ngành xây lắp, gia công chế tạo trong nước bị đình trệ, rất ít các đơn hàng được triển khai, buộc các doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt trong việc đấu thầu. Do vậy trong năm 2020, Công ty Cổ phần Lilama 69-2 gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các đơn hàng, công việc suy giảm nhiều so với năm trước, dẫn đến doanh thu giảm theo. Mặt khác Công ty có vốn điều lệ thấp, chỉ chiếm 24,72% doanh thu của năm, nên hàng năm để thực hiện kế hoạch SXKD Công ty phải huy động lượng vốn vay lớn. Chi phí tài chính cho việc vay vốn cao làm giảm lợi nhuận của Công ty. Công ty không thu hồi được công nợ đến hạn gây

thiếu vốn kinh doanh. Vì vậy, vốn lưu động Công ty bị thiếu hụt nghiêm trọng. Công ty phải huy động vốn vay từ các Ngân hàng cho sản xuất kinh doanh với chi phí lãi vay cao làm giảm chỉ tiêu lợi nhuận.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

. Trong những năm gần đây, Công ty thường xuyên đầu tư chuyên sâu máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công nhằm thi công trọn gói các công trình lớn. Năng lực chế tạo được khách hàng đánh giá cao do vậy đã mở rộng thị trường công việc, mối quan hệ với các khách hàng truyền thống được giữ vững. Hệ thống quản lý ISO, quản lý chất lượng được nâng cao nên chất lượng sản phẩm cũng được nâng cao, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn và việc đánh giá của các khách hàng, thị trường Châu Âu, Mỹ.

. Công tác lập kế hoạch hàng tháng, quý đã từng bước khắc phục, số liệu kế hoạch đã sát hơn với thực tế, tổng hợp số liệu từ các bộ phận đến tổng thể toàn Công ty được cải thiện, đảm bảo chất lượng các báo cáo.

. Các hợp đồng xây lắp trước khi triển khai thi công đều có phương án kinh tế tổng thể, quản lý theo dự toán thi công được duyệt, một mặt tăng cường tính chủ động cho Ban điều hành tại công trình, một mặt nâng cao năng lực quản lý giám sát của các phòng ban nghiệp vụ.

2. Tình hình tài chính

a/ *Tình hình tài sản*: Giá trị tài sản biến động chủ yếu là giá trị khối lượng dở dang tại các dự án đến thời điểm 31/12/2020. Do tính thời điểm của báo cáo, Giá trị khối lượng dở dang hầu hết sẽ được nghiệm thu vào thời điểm Quý 1 năm 2021.

b/ *Tình hình nợ phải trả*: Công nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản chính như sau:

	Số đầu kỳ (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)
1. Phải trả người bán	98.181.869.250	156.903.259.186
2. Người mua trả tiền trước	89.145.188.629	42.171.199.171
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.359.690.975	7.366.181.702
4. Phải trả người lao động	3.492.166.533	1.210.499.114
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	252.650.937.513	252.053.767.636
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.706.276.348	16.230.552.838
7. Vay và nợ dài hạn	13.025.383.690	10.061.209.057

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Để phù hợp với chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức của Công ty sẽ luôn được điều chỉnh và phân định rõ ràng, phù hợp với quy mô, vai trò và yêu cầu, nhiệm vụ theo từng thời điểm. Sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy quản lý và nhân lực các phòng ban chức năng theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoàn thiện quy chế chức năng nhiệm vụ, bản mô tả công việc để làm cơ sở xác định cơ cấu nhân lực, số lượng người cần có để nhằm mục đích tuyển dụng, sử dụng, bố trí, quản lý nhân lực.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và ban hành nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế, đẩy mạnh công tác truyền thông mục đích để phổ biến các quy chế/quy định xuống từng đơn vị, từng cán bộ công nhân viên để biết và thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty giao cho các bộ phận thực hiện thông qua việc thống kê mức độ hoàn thành kế hoạch về sản lượng, doanh thu, thu hồi vốn, tiến độ, chất lượng thông qua các cuộc họp hàng tuần, tháng, quý.

- Nâng cao hiệu quả và năng suất lao động: Sàng lọc, phân loại nguồn nhân lực hiện có theo trình độ chuyên môn, tay nghề để bố trí đúng người, đúng việc, phát huy được hết năng lực cá nhân. Tập trung nguồn lực để tăng trưởng và phát triển ngành kinh doanh chính, chú trọng công tác cung ứng vật tư và thiết kế công nghệ, quản lý thầu phụ. Nâng cao các chế độ đãi ngộ cho người lao động, gắn liền với hiệu quả công việc, thu hút nhân tài phát triển nguồn nhân lực cho công ty, đồng thời tạo môi trường làm việc hấp dẫn để duy trì người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch trong ngắn hạn (năm 2021):

Doanh thu: 380 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 1 tỷ đồng.

- Trong dài hạn:

. Xây dựng Công ty Cổ phần LILAMA 69-2 là doanh nghiệp chế tạo cơ khí chất lượng cao, là nhà thầu thi công xây lắp uy tín, chuyên nghiệp, hàng đầu trong nước cũng như trên thị trường quốc tế.

. Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị cơ khí, tập trung vào những sản phẩm mà Công ty có thế mạnh, các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao và sản phẩm xuất khẩu là Damper, thiết bị lọc bụi tĩnh điện, bồn bể, ống công nghệ, thiết bị cấu kiện quan trọng trong các nhà máy điện, lọc

hóa dầu, xi măng. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện, có đủ năng lực thực hiện thầu EPC thiết bị lọc bụi tĩnh điện và các hạng mục khác trong nhà máy điện.

. Bên cạnh các lĩnh vực kinh doanh chính: Chế tạo, lắp đặt thiết bị, dịch vụ bảo trì, duy tu, sửa chữa cho các nhà máy nhiệt điện, xi măng, hóa chất, lọc dầu, Công ty sẽ mở rộng thêm những ngành nghề khác như thương mại, xuất nhập khẩu, cho thuê thiết bị, xuất khẩu lao động,...

. Nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận.

. Chủ động, sáng tạo nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản lý tài chính, tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Mức tiêu thụ điện, nước của Công ty luôn đảm bảo trong định mức đã đăng ký với Công ty điện lực và Công ty cấp nước, đối với nước thải Công ty đã xử lý theo công nghệ sinh học trước khi xả ra môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại Công ty đã phân loại và ký hợp đồng với đơn vị thu gom đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn chú trọng nâng cao nhận thức cho CB-CNV, đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc ở tất cả các cấp về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty xây dựng ban hành các quy định về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp quản lý môi trường và an sinh xã hội, tuyên bố chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và an sinh xã hội để ngăn ngừa các ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương:

Công ty luôn tuân thủ Luật pháp, các quy định và yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường. Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn sức khỏe, nghề nghiệp, môi trường. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với tác động tiêu

cực, nếu không ngăn ngừa thì phải giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng. Hỗ trợ người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động kinh doanh của Công ty để nâng cao hoặc ít nhất khôi phục sinh kế và mức sống của họ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ngoài ra Hội đồng quản trị Công ty còn chú trọng đến công tác quản trị rủi ro. Triển khai việc chuẩn hóa, phê duyệt các quy trình, quy chế, quy định đối với công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác của Công ty. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để Ban điều hành chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý dễ dàng tham khảo, giám sát thông tin, số liệu, chi tiêu của Công ty. Ngoài ra Hội đồng quản trị giám sát chỉ đạo thực hiện một số nội dung khác như:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn theo quy định;
- Dự kiến tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 vào tháng 06 năm 2021.
- Việc chi trả cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 chưa được thực hiện. Công ty sẽ triển khai việc chi trả cổ tức trong thời gian tới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của Ban điều hành đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mặc dù tổng lợi nhuận giảm, không đạt theo kỳ vọng; các hoạt động của Công ty được đảm bảo, an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý Doanh nghiệp;
- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm; phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT;
- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cụ thể hóa chiến lược phát triển Công ty đến năm 2025.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	CP sở hữu L62	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Vũ Kế Chương	- Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc	374.506	4,51%
2	Ông Trương Đức Thành	- Thành viên HĐQT - P. Tổng giám đốc	15.000	0,18%
3	Bà Lê Thị Minh	- Thành viên HĐQT - P. Tổng giám đốc	14.297	0,17%
4	Ông Trần Xuân Trường	- Thành viên HĐQT - P. Tổng giám đốc	654.983	7,89%
5	Ông Vũ Xuân Dũng	- Thành viên HĐQT - TP. Kinh doanh	12.065	0,15%

b/ Các tiểu ban thuộc HĐQT: HĐQT không thành lập các tiểu ban mà giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân phụ trách các lĩnh vực cụ thể.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2020, HĐQT họp 18 phiên, 04 phiên tập trung và 14 phiên lấy ý kiến.

- Số lượng các buổi họp Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi Họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch	18	100%	
2	Ông Trương Đức Thành	Thành viên	18	100%	
3	Ông Trần Xuân Trường	Thành viên	18	100%	
4	Bà Lê Thị Minh	Thành viên	18	100%	
5	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	18	100%	

- Nội dung hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Stt	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	03/BB-HĐQT/2020	07/01/2020	Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất công ty năm 2019 - điều chỉnh lần 2
2	08/BB-HĐQT/2020	31/01/2020	Phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư nâng cao năng lực sản xuất công ty năm 2020
3	18/BB-HĐQT/2020	28/03/2020	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019, Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD Quý I năm 2020; phê duyệt nội dung ĐHCĐ của công ty Lilama 69-2 MS
4	21/BB-HĐQT/2020	15/04/2020	Thông qua việc vay vốn ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Hải Phòng (HD BANK)
5	30/BB-HĐQT/2020	23/04/2020	Thông qua việc gia hạn duy trì hạn mức đến 17/05/2020 tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng (MB)
6	34/BB-HĐQT/2020		Thông qua việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng dự án "xi măng Cẩm Phả" tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng (MB)
7	40/BB-HĐQT/2020	11/05/2020	Thông qua Phương án cơ cấu nợ tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng
8	44/BB-HĐQT/2020	04/06/2020	Thông qua Phương án phát hành LC phục vụ hợp đồng với Tenova S.P.A tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng
9	50/BB-HĐQT/2020	15/06/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
10	61/BB-HĐQT/2020	18/06/2020	Thông qua việc vay vốn ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí

			Minh chi nhánh Hải Phòng (HD BANK)
11	62/BB-HĐQT/2020	18/06/2020	Thông qua việc phát hành bảo lãnh tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng (MB)
12	85/BB-HĐQT/2020	03/07/2020	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở LC xác nhận cung cấp tín dụng tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng (MB) để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
13	92/BB-HĐQT/2020	06/07/2020	Thông qua việc phân phối lại các quỹ của Chi nhánh CTCP Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu, thông qua việc thuê tài chính tại Công ty có thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - CN Hà Nội
14	126/BB-HĐQT/2020	14/08/2020	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn, mở L/C, bảo lãnh thanh toán, phát hành bảo lãnh tại ngân hàng SHB - chi nhánh Hải Phòng
15		25/08/2020	Thông qua việc thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease
16	133/BB-HĐQT/2020	11/09/2020	Thông qua Phương án cơ cấu nợ (6 tháng) tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng
17	146/BB-HĐQT/2020	07/11/2020	Thông qua Phương án cơ cấu nợ gốc tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng

18	165/BB-HĐQT/2020	25/12/2020	Báo cáo về SXKD ước tính năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021; Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT
----	------------------	------------	---

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

c/ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Không.

2. Ban Kiểm soát:

a/ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Cơ cấu Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Bà Phùng Phương Linh	- Trưởng BKS	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	-	0,00%
2	Bà Vũ Thị Ngà	- Thành viên BKS	44 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	105.264	1,27%
3	Ông Nguyễn Trung Hiếu	- Thành viên BKS	Hồ Sen, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng	-	0,00%

b/ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Giám sát chặt chẽ, đầy đủ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đảm bảo tính khách quan, trung thực trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Pháp luật, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo các quyền lợi của cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thực hiện giải trình, cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

** Hoạt động của Ban kiểm soát:*

- Ngày 22/01/2020 Ban kiểm soát họp tổng kết, rút kinh nghiệm thực tế hoạt động kiểm soát năm 2019.

- Ngày 25/03/2020 Ban kiểm soát họp kiểm soát hoạt động SXKD quý I năm 2020 và đề ra kế hoạch hoạt động trong quý II năm 2020.

- Ngày 28/04/2020 Ban kiểm soát họp Phương hướng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Ngày 29/06/2020 Ban kiểm soát họp phiên thường kỳ, kiểm soát hoạt động SXKD quý II năm 2020 và đề ra kế hoạch hoạt động trong quý III năm 2020.

- Ngày 20/08/2020 Ban kiểm soát họp đánh giá Báo cáo Tài chính 6 tháng năm 2020 sau kiểm toán.

- Ngày 06/10/2020 Ban kiểm soát họp định kỳ đánh giá tình hình kiểm soát hoạt động SXKD quý III năm 2020 và xây dựng kế hoạch hoạt động quý IV năm 2020.

- Ngày 30/12/2020 Ban kiểm soát họp đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động của năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.

- Trong năm 2020, BKS không nhận được bất cứ kiến nghị nào của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a/ Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

+ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 biểu quyết thông qua:

- Lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 15.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao Thành viên HĐQT là 3.750.000 đồng/tháng/người.

- Thù lao Thành viên Ban kiểm soát là 2.775.000 đồng/tháng/người.

- Thù lao thư ký là 1.500.000 đồng/tháng.

+ Lương của Ban điều hành.

- Tổng giám đốc: 22.000.000 đồng/tháng

- Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng: 18.500.000 đồng/tháng

Trong năm 2020, tổng lương, thù lao thù lao HĐQT, thành viên ban kiểm soát, thư ký HĐQT cụ thể như sau:

+ Lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát.

(Đơn vị tính: tr đồng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
1	Vũ Kế Chương	Chủ tịch HĐQT	45		Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Trương Đức Thành	Ủy viên HĐQT	45		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Trần Xuân Trường	Ủy viên HĐQT	45		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Lê Thị Minh	Ủy viên HĐQT	45		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
5	Vũ Xuân Dũng	Ủy viên HĐQT	45		
6	Phùng Phương Linh	Trưởng BKS	180	180	
7	Vũ Thị Ngà	Thành viên BKS	33,3		
8	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên BKS	33,3		
9	Lê Thị Minh	Thư ký HĐQT	18		
Tổng cộng			423	180	

+ Lương Ban điều hành:

(Đơn vị tính: tr đồng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
1	Vũ Kế Chương	Tổng giám đốc	264	264	
2	Trương Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	222	222	
3	Trần Xuân Trường	Phó TGĐ, Giám đốc Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	222	0	Lương do Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2 chi trả
4	Lê Thị Minh	Phó Tổng giám đốc	222	222	

5	Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng giám đốc	222	222	
6	Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng giám đốc	222	222	
7	Trần Thị Hương	Kế toán trưởng	222	222	
Tổng cộng			1.596	1.374	

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2020:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch	Tỷ lệ trước giao dịch	Số cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch	Tỷ lệ sau giao dịch
1	Ông Vũ Kế Chương	- Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc	374.506	4,51%	374.506	4,51%
2	Ông Trương Đức Thành	- Thành viên HĐQT - Phó TGD	15.000	0,18%	15.000	0,18%
3	Ông Trần Xuân Trường	- Thành viên HĐQT - Phó TGD	654.983	7,89%	654.983	7,89%
4	Bà Lê Thị Minh	- Thành viên HĐQT - Phó TGD	14.297	0,17%	14.297	0,17%
5	Ông Vũ Xuân Dũng	- Thành viên HĐQT	12.065	0,15%	12.065	0,15%
6	Ông Nguyễn Giám Hiệu	- Phó TGD	107.081	1,29%	107.081	1,29%
7	Ông Nguyễn Quang Vinh	- Phó TGD	-	-	-	-

